

Bản án số: 161/2021/HC-PT

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

“V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất
đai thuộc trường hợp giải quyết tranh
chấp đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 349/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT B, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Minh Tr, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số 2C NHT, phường ĐK, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lưu Phương Th – Công ty Luật TNHH LN thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Số 2C NHT, phường ĐK, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thị trấn A, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Mã Thanh Ph, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị H1, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT B, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

2/ Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt);

3/ Bà Trần Thị Hằng Nh, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TT B, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Người khởi kiện là bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - bà Trần Thị H trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp có một phần diện tích đất của ông Mã T, phần phía sau là của gia đình bà Trương Thị H1. Năm 1984 gia đình bà được Nhà nước cấp phần đất có diện tích $2.861m^2$ theo chính sách đất đai vì chồng bà là ông Huỳnh Tấn H (Huỳnh Thanh H) là người có công với cách mạng. Gia đình bà sử dụng ổn định đến nay, tại thời điểm giao đất không ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Ngày 09/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB ban hành Quyết định số 1478/QĐ – UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trương Thị H1 với gia đình bà. Nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị H với diện tích đất $500m^2$. Phần diện tích đất còn lại là $2.333m^2$, hộ bà Trần Thị H có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Thị H1 quản lý, sử dụng. Bà H không đồng ý với nội dung quyết định nêu trên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là không đúng thẩm quyền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB không thực hiện theo Công văn số 9542/VPCP – KNTN ngày 31/12/2010 về phương hướng giải quyết vụ việc được sự đồng ý của Phó Thủ tướng Chính phủ là không xem xét, giải quyết khiếu nại của bà H1 đối với phần đất gia đình bà đã không trực tiếp sử dụng đến trước thời điểm năm 1985 – 1986 khi Nhà nước làm kênh. Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện HB xác định diện tích đất là $2.833m^2$ là không đúng, vì thực tế gia đình bà sử dụng phần diện tích đất $2.861m^2$. Do đó, Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột bà Trương Thị H1) nhận chuyển nhượng của ông Tạ Hoài T vào ngày 20/3/1959 có diện tích 94.200m² đất ruộng thuộc lô 29, tờ bản đồ 06; bằng khoán số 254 tại xã HB, huyện BX, tỉnh Bạc Liêu (nay là thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu).

Giai đoạn sau năm 1985, sau khi đào kênh làm đường HB đi MD, huyện có chủ trương dân dân dọc theo lộ, đã lấy đất giao cho một số hộ dân làm nhà ở, một số hộ sang bán chuyển đổi cho nhau trên phần đất gốc của bà H1 cụ thể như sau:

Nhà nước lấy đất của bà H1 cấp cho ông Huỳnh Tấn H là chồng bà Trần Thị H diện tích 2.060m². Gia đình ông H sử dụng ổn định cho đến nay.

Bà H1 không đồng ý nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L (nay là huyện HB), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhưng đều bị bác đơn khiếu nại.

Bà Trương Thị H1 kiên quyết không thực hiện các quyết định giải quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, khiếu nại gay gắt đến Chính Phủ.

Ngày 13/10/2015, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 8322/VPCP - V.I, truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ - Nguyễn Xuân Ph (nay là Thủ tướng Chính phủ) chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3484/BTNMT – TTr.

Thực hiện Thông báo số 208 – TB/VPTU của Văn phòng Tỉnh ủy, thông báo kết quả cuộc họp Ban chỉ đạo giải quyết yêu cầu khiếu nại của công dân trên địa bàn tỉnh ngày 21/12/2018. Trong đó, đối với vụ tranh chấp đất đai giữa bà Trương Thị H1 với các hộ dân tại ấp TT B, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Ban chỉ đạo giải quyết yêu cầu khiếu nại của công dân thống nhất thực hiện theo phương án đã có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được Phó Thủ tướng Chính phủ đồng ý “Đối với phần diện tích đất các hộ dân đang sử dụng thì thỏa thuận với bà H1 và các hộ dân có liên quan, Nhà nước hỗ trợ và công nhận quyền sử dụng đất cho 09 hộ, mỗi hộ 500m². Phần diện tích đất còn lại, trả cho gia đình bà H1 sử dụng, bà H1 có trách nhiệm bồi thường công cải tạo và hoa lợi cho các hộ”.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 là có cơ sở và đúng theo chỉ đạo của cấp trên trong giải quyết vụ việc nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị H1 trình bày:
Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ bà là bà Nguyễn Thị C để lại cho bà. Đến năm 1988 khi Nhà nước đào kênh làm lộ MD thì một số cán bộ tự ủi đất để chiếm đất của bà sử dụng và sang bán cho người khác cho đến nay, nhưng không bồi thường cho bà khoản tiền nào.

Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại Bản án dân hành chính sơ thẩm số 20/2020/HC-ST ngày 17/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Luật khiếu nại năm 2011;

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 75/2012/NĐ – CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ.

- Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Công văn số 8322/VPCP - V. I ngày 13/10/2015 của Văn phòng Chính phủ.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020, người khởi kiện là bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Bà H, hủy Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Lưu Phương Th trình bày:

Quyết định hành chính số 1478/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện HB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trương Thị H1 với hộ bà Trần Thị H được ban hành không đúng quy định của pháp luật, cụ thể là không đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 về thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, quy định cụ thể “*Tranh chấp đất đai mà đương sự có giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT/BTNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì “*Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền của chế độ cũ cấp cho người sử*

dụng đất được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 Luật đất đai bao gồm: *Bằng khoán điền thổ...*”. Như vậy, Bằng khoán điền thổ là một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền của chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Việc UBND huyện HB ban hành quyết định giải quyết tranh chấp là không đúng quy định của pháp luật.

Việc Ủy ban nhân dân huyện HB ban hành Quyết định số 1478/QĐ-UBND là trái với quy định của pháp luật về quản lý đất đai qua các thời kỳ. Năm 1984 gia đình Bà H được giao đất theo chính sách đất đai vì ông Huỳnh Thanh H (chồng Bà H) là người có công với cách mạng. Mặc dù không có bất kỳ văn bản nào về việc giao đất nhưng quá trình giải quyết UBND huyện HB đều thừa nhận đất được điều chỉnh cho người khác sử dụng theo chính sách đất đai. Đồng thời, Nhà nước thực hiện trang trải đất đai, cấp đất cho gia đình ông H. Nguồn gốc đất mà gia đình Bà H đang sử dụng không phải hoàn toàn do Nhà nước lấy của gia đình bà H1 cấp cho gia đình Bà H mà có nguồn gốc một phần của ông Mã T. Tại Văn bản số 1611/BTNMT-TTr ngày 10/5/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định diện tích đang tranh chấp ngoài phần đất có nguồn gốc của gia đình bà H1 thì gia đình Bà H còn sử dụng cả phần đất của người khác từ năm 1984 đến năm 1988 cùng đợt lấy đất của gia đình bà H1. Điều này cũng được chứng minh được ông Mã Phú H2 và ông Mã Hữu Kh xác nhận tại Văn bản ngày 22/5/2020 với nội dung nguồn gốc đất gia đình Bà H đang sử dụng một phần phía trước là của cha mẹ ông H2, ông Kh để lại. Như vậy, việc UBND huyện HB không xem xét khách quan, toàn diện về nguồn gốc đất mà cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc hoàn toàn của gia đình bà H1, giao trả đất cho bà H1 là không đúng với sự thật khách quan của sự việc.

Nội dung Quyết định số 1478/QĐ-UBND không rõ ràng không đúng diện tích đất tranh chấp. Tại Công văn số 549/UBND ngày 13/3/2020 của UBND huyện HB xác định lấy đất của bà H1 cấp cho gia đình Bà H diện tích 2.060m² nhưng lại giải quyết tranh chấp là 2.833m² là không đúng diện tích; công nhận diện tích 500m² (ngang 10m, dài 50m) hộ gia đình Bà H được quyền sử dụng, giữ nguyên hiện trạng nhà ở nhưng không thể hiện số thửa, tờ bản đồ, địa chỉ, tứ cận cạnh đất ở đâu.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H; sửa bản án sơ thẩm; hủy Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Trần Minh Tr trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư. Thực tế Bà H có 02 căn nhà đang sử dụng để Bà H và các con, các cháu ở. Thừa nhận căn nhà của Bà H trước chiều ngang mặt tiền chỉ có 5,7m. Nhưng căn nhà liền kề phía sau chiều ngang cũng hơn 5m, cộng 02 căn nhà thì chiều ngang mặt tiền gần 12m. Nếu lấy 10m chiều ngang thì phải đập bỏ gần 2m chiều ngang căn nhà phía sau. Tuy nhiên, Bà H không đồng ý trả đất vì phần đất này Nhà nước đã giao cho Bà H theo Quyết định số 253/QĐ-UB ngày 13/12/1996 đến nay Quyết định này vẫn còn nguyên hiệu lực. UBND huyện HB ra Quyết định số

1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 là chồng chéo trái pháp luật. Mặt khác, diện tích Bà H sử dụng thực tế hiện nay là 2.861m^2 chứ không phải 2.833m^2 như Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 nêu. Trước đây Nhà nước giao cho chồng Bà H 2.060m^2 , sau đó khi giải quyết tranh chấp thì chính quyền địa phương lập Biên bản ngày 21/8/2001 thì phần đất của gia đình bà H1 mà ông H (chồng Bà H) đang sử dụng chỉ có 500m^2 , còn lại là đất của ông Kh. Tại Văn bản số 1611/BTNMT-TTr ngày 10/5/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng xác định ông H (chồng Bà H) sử dụng cả đất của gia đình bà H1 và đất của người khác. Tại Biên bản ngày 21/8/2001, ông Kh có ký tên, sau đó ông Kh và anh ông Kh là ông Mã Phú H2 cũng có văn bản xác định một phần đất gia đình Bà H sử dụng hiện nay có nguồn gốc là của gia đình ông Kh và ông H2 khai phá. Như vậy Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện HB, tỉnh Bạc Liêu sai cả về thẩm quyền, sai về cả nội dung, đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến gia đình Bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định này.

Ông Huỳnh Thanh T trình bày: Ông T cho rằng phần đất là nhà chiều ngang khoảng 12m, đất hiện tại là đất vườn, toàn bộ diện tích đang sử dụng bao gồm diện tích nhà, công trình phụ hơn 200m^2 , giếng nước, cây nước phạm vi khoảng hơn 300m^2 , phạm vi nhà và công trình phụ trên 500m^2 , diện tích còn lại hiện tại trồng cây lâu năm.

Bà Trương Thị H1 trình bày: Trong đơn khiếu nại bà H1 cho rằng các hộ tự san lấp ruộng để lấy mặt bằng trồng cây, làm nhà ở chiếm đất của bà, khi san lấp bà có ngăn nhưng chính quyền nói do di dân nên không mời bà H1 để giải quyết cũng như không bồi thường cho bà. Bà cho rằng đất này bà có sử dụng chứ không bỏ hoang, trong quá trình sử dụng có cho một vài người mượn nhưng sau này có giấy trả đất lại cho bà. Bà H nói nhà ngay mặt tiền hơn 12m là không đúng, thực tế có 5,7m, còn căn nhà phía sau thì không rõ chiều ngang bao nhiêu mét. Bà H1 thừa nhận khi lập Biên bản làm việc ngày 21/8/2001 thì có ghi diện tích đất ông H chiếm của bà H1 500m^2 và bà ký tên vào là do bà không đọc lại. Nay bà không đồng ý hủy Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Theo tài liệu, hồ sơ vụ án thể hiện, phần đất tranh chấp có diện tích 94.200m^2 là của bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột của bà Trương Thị H1) nhận chuyển nhượng từ năm 1959. Trong thời gian từ năm 1980 đến năm 1988, thực hiện chính sách dân dân, nhường cơm sẻ áo tại địa phương, UBND huyện Vĩnh L thu hồi phần đất của gia đình bà H1 giao cho các hộ khác sử dụng nhưng không có quyết định hay văn bản nào để. Để giải quyết dứt điểm khiếu nại của bà H1 liên quan đến diện tích 35.226m^2 đất tại thị trấn HB, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra xác minh và lãnh đạo UBND tỉnh Bạc Liêu thống nhất phương án, nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho 9 hộ mỗi hộ bằng 500m^2 đất, còn

diện tích còn lại các hộ trả lại cho gia đình bà H1 sử dụng. Trên cơ sở đó ngày 24/8/2015, Bộ Tài nguyên đã có Tờ trình số 3484/BTNMT -TTr đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Tại Công văn số 8322/VPCP – V.I ngày 13/10/2015 Văn phòng Chính phủ thông báo nội dung Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Ph đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 3484/BTNMT -TTr ngày 24/8/2015. Như vậy theo quy định tại Điều 90 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 23 Luật Khiếu nại, tố cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đúng thẩm quyền. Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện HB ban hành đúng trình tự, thủ tục luật định việc công nhận hộ bà Trần Thị H có quyền sử dụng diện tích 500m² đất, phần còn lại có diện tích là 2.333m² hộ Bà H có trách nhiệm trả lại cho bà H1 quản lý, sử dụng là đúng tinh thần của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với các quy định về quản lý đất đai đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật do đó Bà H kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu là ông Mã Thanh Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trương Thị H1 với bà Trần Thị H. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc Bà H khởi kiện Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu:

[2.1.1] Ngày 09/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 1478/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trương Thị H1 với gia đình bà Trần Thị H trong đó có nội dung:

“1. Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị H với diện tích đất là 500m², hộ bà Trần Thị H được quyền sử dụng giữ nguyên theo hiện trạng nhà ở.

Phần diện tích đất còn lại là 2.333m², hộ bà Trần Thị H có trách nhiệm trả lại cho bà Trương Thị H1 quản lý, sử dụng.

2. Bà Trương Thị H1 có trách nhiệm trả công cải tạo thành quả lao động đối với diện tích đất còn lại mà bà Trần Thị H giao lại đất cho bà Trương Thị H1, quản lý, sử dụng như sau:

Diện tích 2.333m² x 750 kg/1.000m² = 1.749,75kg lúa x 6.000 đồng/kg = 10.498.500 đồng (Mười triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

(Mức trả công cải tạo, bồi đắp áp dụng theo Quyết định số 152/QĐ-UB, ngày 13/9/1989 của UBND tỉnh Minh Hải (cũ) về việc trả hoa lợi ruộng đất khi thực hiện Chỉ thị số 57 củ Bộ Chính trị về trang trải đất đai và Công văn số 497/UB, ngày 02/5/2002 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc hướng dẫn giải quyết trả hoa lợi ruộng đất trong thời kỳ trang trải đất đai) ”.

[2.1.2] Theo bà Trương Thị H1, nguồn gốc khu đất tranh chấp 2.833m² là một phần trong diện tích 94.200m² đất ruộng của bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột bà H1) thuộc lô 29, tờ bản đồ số 06, tại xã HB, huyện BX, tỉnh Bạc Liêu (nay là thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu), đã được cấp Bằng khoán điền thổ số 254, Trích lục sổ điền thổ ngày 09/11/1971.

Theo bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền của Bà H thì phần đất gia đình Bà H đang sử dụng là của Nhà nước cấp cho chồng bà Hồng là ông Huỳnh Tấn H vào năm 1984. Diện tích thực tế gia đình Bà H đang sử dụng là 2.861m² chứ không phải 2.833m². Về nguồn gốc đất thì chỉ có một phần đất phía sau gia đình Bà H đang sử dụng là của bà H1, còn phần đất phía trước là của cha, mẹ ông Mã Phú Hào, Mã Hữu Kh để lại, việc này được ông Mã Phú Hào, ông Mã Hữu Kh xác nhận.

[2.1.3] Tại Văn bản số 1611/BTNMT –TTr ngày 10/5/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có nội dung *“Diện tích 15.556m² đất các hộ hiện nay đang sử dụng có nguồn gốc của gia đình bà H1 gồm các hộ: Dương Minh Ng, Hàn Ái L, Trịnh Thanh T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Ái B, Huỳnh Hồng A, Huỳnh Thanh H, Trần Thanh Th. Ngoài phần đất có nguồn gốc của gia đình bà H1, các*

hộ này còn sử dụng phần đất của người khác từ năm 1984 đến năm 1988 cùng đợt lấy đất của gia đình bà H1, các hộ đã cất nhà, trồng cây và sử dụng tới nay”.

[2.1.4] Theo Biên bản làm việc ngày 21/8/2001 do Phòng Địa chính huyện Vĩnh L (nay là huyện HB) chủ trì trong đó có bà H1 và ông Mã Hữu Kh tham dự thì diện tích đất bà H1 tranh chấp với ông Huỳnh Thanh H là 500m² (BL 261). Các đương sự thừa nhận ghi tên ông Huỳnh Thanh H trong biên bản này thực sự là ông Huỳnh Tấn H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cũng thừa nhận khi lập Biên bản làm việc ngày 21/8/2001 thì có ghi diện tích đất ông H chiếm của bà H1 500m².

[2.1.5] Theo Quyết định số 253/QĐ.UB ngày 13/12/1996 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu thì diện tích đất ông H được giao là 2.060m².

[2.1.6] Như vậy chưa đủ cơ sở xác định diện tích đất gia đình ông H, Bà H đang sử dụng toàn bộ có nguồn gốc của gia đình bà H1, nhưng Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện HB, tỉnh Bạc Liêu lại buộc Bà H giao cho bà H1 2.333m² là chưa đảm bảo căn cứ vững chắc, làm thiệt hại đến quyền lợi của gia đình Bà H.

[2.1.7] Hơn nữa, con của Bà H là ông Huỳnh Thanh T trình bày 02 căn nhà của Bà H đều sử dụng để Bà H và các con cháu ở thực tế chiều ngang hướng ra mặt tiền gần 12m. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 cũng thừa nhận hiện trạng 02 căn nhà có trên đất của Bà H hướng ra mặt tiền, nhưng Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 lại công nhận cho Bà H chiều ngang chỉ có 10m và còn nêu cụ thể trong Quyết định “*giữ nguyên theo hiện trạng nhà ở*” là không thể thi hành được, vì giả sử nếu có sự trả đất cho bà H1 thì phải đập một phần căn nhà của gia đình Bà H.

[2.1.8] Bà H còn cho rằng hiện trạng Nhà nước giao đất cho gia đình Bà H là đất ruộng trũng, Bà H đã cải tạo, tôn nền thành đất nền nhà, đất vườn, đất trồng cây lâu năm, nhưng Quyết định số 1478/QĐ – UBND của Chủ tịch UBND huyện HB, tỉnh Bạc Liêu chỉ buộc bà H1 trả công cải tạo thành quả lao động của 2.333m² cho Bà H bằng 10.498.500 đồng (750kg lúa/1.000m²) là trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của Bà H là có cơ sở chấp nhận. Vì thực tế phần đất mà Quyết định số 1478/QĐ – UBND của Chủ tịch UBND huyện HB, tỉnh Bạc Liêu buộc Bà H trả cho bà H1 không còn là đất ruộng. Bà H1 cũng thừa nhận gia đình Bà H có cải tạo san lấp đất qua các đơn khiếu nại của bà H1. Căn cứ vào Điều 3, Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; khoản 1, 2 và 3 Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì khi tính chi phí đầu tư vào đất phải tính các chi phí gồm: Chi phí san lấp mặt bằng; Chi phí cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, thau chua rửa mặn, chống xói mòn, xâm thực đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh; Chi phí khác có liên quan đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử

dụng đất... Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án còn thể hiện trên khu đất tranh chấp còn có nhiều tài sản của gia đình Bà H như giếng khoan, cây lâu năm và vật kiến trúc khác...

[2.1.9] Tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

...

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;...”

Tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai:

Tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì được giải quyết như sau:

1. Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết;”.

[2.1.10] Như vậy, trong khu đất tranh chấp đã được cấp một trong các loại giấy tờ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Các bên tranh chấp là bà H1 và gia đình Bà H không thống nhất được về giá trị tài sản trên đất, không thống nhất được mức bồi hoàn tài sản, công sức chi phí đầu tư vào đất khi thu hồi đất của hộ Bà H giao cho bà H1. Do đó, trường hợp này được coi là có tranh chấp về tài sản trên đất, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì tranh chấp này phải do Tòa án giải quyết chứ không thuộc thẩm quyền của UBND huyện HB.

[2.1.11] Mặt khác, theo Quyết định số 253/QĐ.UB ngày 13/12/1996 của UBND huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu thì ông Huỳnh Thanh H (cũng là ông Huỳnh Tấn H chồng Bà H) được giao 2.060m² đất và phải trả tiền hoa lợi cho bà H1 3.708.000 đồng và Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 17/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu có nội dung giải quyết cho ông Huỳnh Tấn H 1.532m² đất tranh chấp với bà H1. Như vậy, khu đất gia đình Bà H đang ở đã được giải quyết bằng 02 Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, 02 Quyết định này chưa bị hủy bỏ, nhưng UBND huyện HB vẫn ban hành Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 tiếp tục giải quyết đối với lại tranh chấp này là giải quyết lại tranh chấp đã được giải quyết bằng Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật là “chồng chéo” và không đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H; Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn tiền án phí. Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà H được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ – CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H, sửa Bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Huỷ Quyết định số 1478/QĐ – UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn toàn bộ án phí.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu phải chịu 300.000 đồng.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn toàn bộ án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bạc Liêu; (1)
- VKSND tỉnh Bạc Liêu; (1)
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NLQ; (1)
- Lưu VP (6), HS (2) (BA - NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

\